TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2022
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Triết Minh;

2. Ông Lê Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ông L.V.N**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp M, xã TG, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: **Bà N.T.Nh**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã TG, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông L.V.N trình bày như sau*: Ông và bà N.T.Nh tự tìm hiểu, quen biết nhau được 1 năm thì tiến tới chung sống với nhau vào năm 1996, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ

chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.T.Nh; Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung tên Lê Thị T. L, sinh năm 27/01/1997 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Lê Văn P, sinh ngày 24/4/2005, hiện nay đang sống với bà Nh. Sau ly hôn, ông đồng ý giao cháu P cho bà Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và do hiện nay kinh tế của ông cũng còn khó khăn, không có điều kiện nên không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: giữa ông và bà Nh không có tài sản chung và nợ chung.

Do ông hiện nay đang làm việc trên Bình Dương, việc đi lại khó khăn nên ông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa khi vụ án đưa ra xét xử.

* Bà N.T.Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nh từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do và không cung cấp bản tự khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà Nh. Về con chung: Giao cháu Lê Văn P, sinh ngày 24/4/2005 cho bà Nh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông N không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Ông N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông L.V.N (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N.T.Nh (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông N và bà Nh chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Nh. Do hôn nhân giữa ông N và bà Nh vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà Nh.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông N và bà Nh có 02 con chung tên Lê Thị T.L, sinh năm 27/01/1997 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Lê Văn P, sinh ngày 24/4/2005.

Xét thấy, cháu L hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu P hiện nay đang sống với bà Nh và ông N cũng đồng ý giao cho bà Nh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần giao cháu P cho bà Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà Nh không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà Nh phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông N và bà Nh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L.V.N và bà N.T.Nh.

* Về con chung: Giao cháu Lê Văn P, sinh ngày 24/4/2005 cho bà Nh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nh không có yêu cầu.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông N và bà Nh có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Ông L.V.N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0009065 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông N và bà Nh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân